TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03** /2017/DS-PT
Ngày 09-11-2017
Về việc: Tranh chấp chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh**

Ông **Võ Ngọc Thông**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành An**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng*:** Ông **Đoàn Ngọc Thanh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày **09** tháng **11** năm **2017**, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2017/TLPT-DS ngày 14/6/2017 về việc *"Tranh chấp chia tài sản chung"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59B/2017/QĐ - PT ngày 06/9/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1937. Địa chỉ: Phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Cao N – Luật sư Văn phòng Luật sư T – thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1946. Địa chỉ thường trú: Đường A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Địa chỉ: phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Đỗ P – Luật sư Văn phòng Luật sư Đ – thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 - Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1947. Địa chỉ: Phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Địa chỉ hiện nay: phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.2 - Bà Huỳnh Thị A, sinh năm1949. Địa chỉ: phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Anh:* Ông Đào Thanh L (H), sinh năm 1978. Địa chỉ: phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.3 - Ông Huỳnh Văn C (Thích Thiện P), sinh năm 1963. Địa chỉ: phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.4 - Ông Lê Văn S, sinh năm 1952. Vắng mặt.

3.5 - Ông Lê Hoàng Q, sinh năm 1982. Xin xét xử vắng mặt.

3.6 - Ông Lê Hoàng Anh T, sinh năm 1984. Vắng mặt.

3.7 - Bà Lê Duy Nữ Diễm P, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.8 - Bà Lê Hoàng Phan Võ Phượng U, sinh năm1974. Địa chỉ: phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người đại diện ủy quyền của ông S, bà P, ông T, bà U* (giấy ủy quyền ngày 09/5/2016): Ông Lê Hoàng Q, sinh năm 1982. Xin xét xử vắng mặt.

3.9 - Bà Lê Hoàng Phượng T, sinh năm 1978. Vắng mặt.

3.10 - Bà Lê Hoàng Phan Võ Phượng N, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: USA.

3.11 - Ông Huỳnh Trọng H, sinh năm 1971. Xin vắng mặt.

3.12 - Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1974. Xin vắng mặt.

3.13 - Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1975. Xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: phường A, quận S, Tp. Đà Nẵng.

3.14 - Bà Phan Thụy K, sinh năm 1950. Vắng mặt.

Địa chỉ thường trú: phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ hiện nay: phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

3.15 - Ông Trần S, sinh năm 1952. Có mặt.

3.16 - Bà Trần Thị H, sinh năm 1954. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ hiện nay: phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.16 - Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4. Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị A, bà Huỳnh Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/10/2014, các bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:*

Cha tôi là ông Huỳnh Văn T chết năm 1985, mẹ tôi là bà Lê Thị G chết năm 1995. Cha mẹ tôi sinh được 7 người con gồm: Một người con đầu chết khi còn nhỏ, tôi Huỳnh Thị H, Huỳnh Văn T1 (chết năm 1962, ông T1 có vợ là bà Nguyễn Thị M đã đi lấy chồng khác từ năm 1962 và sống ở phường T, ông T1 và bà M có 01 con chung là Huỳnh Văn C), Huỳnh Văn T, Huỳnh Thị N, Huỳnh Thị A, Huỳnh Thị V (chết năm 2012, có chồng là Lê Văn S và 06 người con là Lê Hoàng Q, Lê Hoàng Anh T, Lê Duy Nữ Diễm P, Lê Hoàng Phan Võ Phượng U, Lê Hoàng Phượng T, Lê Hoàng Phan Võ Phượng N). Ngoài những người con chung nêu trên thì cha mẹ tôi không có con riêng, con nuôi nào khác.

Trong quá trình chung sống, cha mẹ tôi có tạo lập được khối tài sản là nhà và đất tọa lạc tại đường A, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.571,3m^2, ngôi nhà cấp 4, mái lợp ngói có diện tích 70 m^2. Giấy tờ nhà đất do ông T đang cất giữ hết, tôi không nắm rõ chỉ biết nhà đất tại đường A, phường A là của cha mẹ tôi để lại.

Cha mẹ tôi chết không để lại di chúc. Sau khi cha mẹ tôi chết, nhà và đất do ông Huỳnh Văn T quản lý. Hiện nay, ông T có giao lại một phần nhà đất nêu trên cho các con là anh Huỳnh Trọng H, Huỳnh Thanh S, Huỳnh Thanh H quản lý, sử dụng.

Để bảo vệ quyền lợi cho mình, tôi yêu cầu Tòa án xác định toàn bộ tài sản là nhà và đất nêu trên là tài sản chung do cha mẹ ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị G để lại cho các con. Tôi đề nghị Tòa án chia đều khối tài sản trên cho các anh chị em trong gia đình là đồng thừa kế của Huỳnh Văn T bà G theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, quá trình Tòa án xuống định giá tài sản tranh chấp và căn cứ theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Trung tâm đo đạc bản đồ Đà Nẵng lập ngày 27/3/2004, diện tích thửa đất tranh chấp hiện nay chỉ còn 1.336 m^2. Do vậy, căn

cứ diện tích đất thực tế của thửa đất số 90, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại đường A, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng tôi xin thay đổi lại một phần nội dung đơn khởi kiện là: Chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại đường A, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 13, trong đó diện tích đất là 1.336m^2.

Đối với việc có thay đổi về diện tích đất tranh chấp hiện nay theo Biên bản xác minh ngày 06/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thì thửa đất tranh chấp số 90, tờ bản đồ số 13 được xác định lại là thửa đất số 181, tờ bản đồ số 19 và được xác định lại khi đo đạc giải tỏa thành 02 thửa là: thửa 248, tờ bản đồ số 19 có diện tích 145,2m^2 do ông Trần S, bà Trần Thị H sử dụng và thửa 249, tờ bản đồ số 19 có diện tích 1.193,6 m^2 do ông Huỳnh Văn T, bà Phan Thụy K sử dụng chúng tôi có ý kiến: Việc ông T, bà Khánh chuyển nhượng đất cho ông Trần S, bà Trần Thị H chúng tôi không hề biết nên ông T bà Khánh tự chịu trách nhiệm với ông Siêng, bà H. Tôi vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu chia tài sản chung của cha mẹ để lại là diện tích đất 1.336m^2 như đã nêu trên theo quy định pháp luật và nguyện vọng của tôi xin nhận bằng hiện vật là 150m^2 đất.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H- Luật sư Trần Cao Ngãi trình bày:* Tôi thống nhất với ý kiến bà H. Bà H khởi kiện yêu cầu chia 150m^2 trong diện tích 1.336m^2, đó là quyền lợi của bà H nên đề nghị Tòa án xem xét.

** Tại các bản tự khai, đơn trình bày, các phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:*

Tôi thống nhất về nội dung bà H đã trình bày về tên cha mẹ tôi. Tuy nhiên, cha mẹ tôi có 11 người con là: Huỳnh Văn P (sinh khoảng năm 1935 chết vào khoảng năm 25 tuổi không có vợ con), bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Văn T1 (chết năm 1962, ông T1 có vợ là bà Nguyễn Thị M đã đi lấy chồng khác từ năm 1962 và sống ở phường T, ông T1 và bà M có 01 con chung là Huỳnh Văn C), tôi Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn N (chết khi còn nhỏ), ông Huỳnh Văn L (chết khi còn nhỏ), bà Huỳnh Thị A, bà Huỳnh Thị T (chết khi còn nhỏ), bà Huỳnh Thị V (chết năm 2012, có chồng là Lê Văn S và 06 người con là Lê Hoàng Q, Lê Hoàng Anh T, Lê Duy Nữ Diễm P, Lê Hoàng Phan Võ Phượng U, Lê Hoàng Phượng T, Lê Hoàng Phan Võ Phượng N), bà Huỳnh Thị T (chết khi còn nhỏ). Ngoài ra cha mẹ tôi không có con riêng, con nuôi nào khác.

Thửa đất số 90 tờ bản đồ số 13 đã qua kiểm định của Nhà nước trước khi giải tỏa có diện tích là 1.336 m^2.

Trước năm 1975 thì nhà đất trên đều do tôi kê khai với chế độ cũ. Sau giải phóng nhà nước yêu cầu kê khai nhà đất, tôi cũng đã đứng tên kê khai đầy đủ theo quy định của Nhà nước và tôi cũng đã làm nghĩa vụ thuế nhà đất liên tục từ trước đến nay. Diện tích trước đây là 1.571,3m^2 nhưng qua quá trình sử dụng có sự lấn chiếm, theo đo đạc kê khai lúc đền bù giải tỏa diện tích đất còn lại hiện nay là 1.336m^2.

Hồ sơ địa chính nhà đất đều đứng tên tôi từ trước ngày giải phóng cho đến bây giờ.

Tôi khẳng định đây là tài sản riêng của vợ chồng tôi vì cha mẹ tôi đã cho riêng tôi từ trước năm 1975, vợ chồng tôi là người trực tiếp đăng ký kê khai nhà đất với chính quyền. Tôi không thừa nhận nhà đất mà bà H yêu cầu chia là tài sản chung của cha mẹ để lại. Vì vậy, tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tôi xác định diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại đường A, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 13 thực tế hiện nay là 1.336m^2. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh ngày 06/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thì thửa đất tranh chấp số 90, tờ bản đồ số 13 được xác định lại là thửa đất số 181, tờ bản đồ số 19 và được xác định lại khi đo đạc giải tỏa thành 02 thửa là: thửa 248, tờ bản đồ số 19 có diện tích 145,2m^2 do ông Trần S, bà Trần Thị H sử dụng và thửa 249, tờ bản đồ số 19 có diện tích 1193,6m^2 do ông Huỳnh Văn T, bà Phan Thụy K sử dụng tôi có ý kiến: Diện tích 145,2m^2 thuộc thửa 248, tờ bản đồ số 19 vợ chồng tôi đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần S, bà Trần Thị H bằng Đơn xin chuyển nhượng đất ngày 21/02/1997 có xác nhận của UBND phường A (theo đơn chuyển nhượng là chuyển nhượng diện tích 5m x 30m = 150m^2), chuyển nhượng với giá 60 triệu đồng; do đất là tài sản riêng của vợ chồng tôi nên vợ chồng tôi có quyền chuyển nhượng cho ông Siêng bà H. Tôi đề nghị Tòa án vẫn tiếp tục công nhận việc chuyển nhượng diện tích đất nêu trên của vợ chồng tôi cho vợ chồng ông S, bà H.

** Tại các bản tự khai, đơn trình bày, các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn C, ông Đào Thanh L, ông Lê Hoàng Q cùng trình bày:* Các ông bà đều thống nhất với ý kiến của bà H và yêu cầu chia tài sản chung bằng hiện vật theo quy định của pháp luật, chúng tôi có nguyện vọng được nhận diện tích 150m^2 đất.

** Tại các bản tự khai, đơn trình bày, các phiên hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Hoàng Phan Võ Phượng U trình bày:* Tôi thống nhất với ý kiến của dì Huỳnh Thị H. Còn việc cậu Huỳnh Văn T cho rằng nhà đất là tài sản riêng của mình do cha mẹ cho trước năm 1975 thì đề nghị ông T phải chứng minh giấy tờ cha mẹ cho nhà đất nêu trên đối với ông. Nếu ông T cho rằng ông bà ngoại tôi đã cho nhà đất cho cậu Tri thì đề nghị Tòa làm rõ những giấy tờ chứng minh việc cho nhà đất này. Nếu thực sự ông bà ngoại tôi đã cho rồi thì tôi không có ý kiến gì. Nhưng nếu ông bà ngoại chưa cho nhà đất cậu Tri thì đề nghị căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

** Tại các bản tự khai, đơn trình bày, các phiên hòa giải và tại phiên tòa Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng Q (cũng là đại diện ủy quyền của ông Lê Văn S, ông Lê Hoàng Anh T, bà Lê Duy Nữ Diễm P, bà Lê Hoàng Phan Võ Phượng U) trình bày:* Tôi thống nhất với ý kiến của dì Huỳnh Thị H. Phần mà mẹ tôi là Huỳnh Thị V được nhận anh chị em tôi xin được chia bằng hiện vật với diện tích 150m^2 đất .

** Tại các bản tự khai, đơn trình bày, các phiên hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh H trình bày:* Tôi là con ông T, hiện đang được ông T cho ở trên nhà đất tại 170 An Cư, phường A, tôi ở từ năm 1997 đến nay. Tôi có làm nhà trên đất, tôi ở trên diện tích khoảng 100m^2; nhà tôi xây dựng

là nhà cấp 4. Đất này cha tôi ông T cho tôi làm nhà, do vậy ý kiến của cha tôi ông Huỳnh Văn T như thế nào thì tôi thống nhất theo ý kiến của ông ấy.

** Tại đơn trình bày gửi cho Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh S, ông Huỳnh Trọng H có ý kiến thống nhất với ý kiến của cha mẹ các ông là Huỳnh Văn T và bà Phan Thụy K, các ông đề nghị Tòa án giải quyết quyết vắng mặt.*

** Tại các bản tự khai, đơn trình bày, các phiên hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thụy K trình bày:* Tôi thống nhất với ý kiến của chồng tôi là Huỳnh Văn T. Chuyện tranh chấp đất đai trong gia đình của anh Tri, anh Tri tự giải quyết tôi không có ý kiến gì thêm. Đối với việc chuyển nhượng đất cho ông Siêng bà H thì tôi thống nhất như ý kiến của chồng tôi là ông T, tôi đề nghị Tòa án công nhận việc chuyển nhượng diện tích đất nêu trên của vợ chồng tôi cho vợ chồng ông Siêng, bà H.

** Tại các bản tự khai, đơn trình bày, các phiên hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần S và bà Trần Thị H cùng trình bày:* Vợ chồng tôi đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông T bà Khánh diện tích đất 150m^2 (ngang 5m x dài 30m) bằng Đơn xin chuyển nhượng đất ngày 21/02/1997 có xác nhận của UBND phường A; giá chuyển nhượng là 60 triệu đồng; hiện nay diện tích đất này được đo đạc lại khi giải tỏa là diện tích đất 145,2m^2 thuộc thửa 248, tờ bản đồ số 19 tại đường A, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng.

Việc chuyển nhượng đất của chúng tôi là công khai, ngay tình nên đề nghị Tòa án công nhận việc chuyển nhượng đất của chúng tôi và xác định diện tích đất 145,2m^2 thuộc thửa 248, tờ bản đồ số 19 tại đường A, phường A, quận S, TP Đà Nẵng là tài sản của vợ chồng tôi.

Khi nhận chuyển nhượng đất, do bên ông T bà Khánh chưa có sổ đỏ nên chúng tôi chỉ ghi chuyển nhượng bằng Đơn xin chuyển nhượng đất ngày 21/02/1997 có xác nhận của UBND phường A. Hiện nay chúng tôi vẫn chưa làm sổ đỏ đối với diện tích đất nhận chuyển nhượng nêu trên.

** Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 29/9/2015 và ngày 05/12/2016 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Hoàng Phượng T và bà Lê Hoàng Phan Võ Phượng N trình bày:*

Hiện nay chúng tôi đang định cư tại Mỹ nên không thể về Việt Nam để tham gia trong vụ án chia tài sản chung giữa bà Huỳnh Thị H với ông Huỳnh Văn T. Vì vậy chúng tôi làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chúng tôi trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án, chúng tôi không có khiếu nại gì về sau. Chúng tôi thống nhất với ý kiến của chị Lê Hoàng Phan Võ Phượng U về quan điểm giải quyết vụ án.

** Tại văn bản ngày 02/3/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng trình bày:*

Hộ ông Huỳnh Văn T – bà Phan Thị K, hồ sơ đền bù số 01, chủ sử dụng thửa đất số 249, tờ bản đồ 19, diện tích sử dụng 1193,6m^2, diện tích thu hồi 1193,6m^2 với kết quả được giải quyết như sau:

- Giấy tờ và nguồn gốc sử dụng đất:

+ Đơn xin xác nhận về thuế, được chi cục thuế quận S xác nhận ngày 03/4/2001: Ông Huỳnh Văn T thường trú tại tổ 45 An Hải Bắc có tên trong bộ thuế thổ trạch năm 1976.

+ Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở năm 2003.

+ Giấy xác nhận nguồn gốc đất ở và nhà ở đang sử dụng của ông Huỳnh Văn T và bà Phan Thụy K, được UBND phường A xác nhận ngày 20/8/2003, nội dung: thửa đất 90, tờ 13 DT 1.571,3 m^2 nguồn gốc thửa đất cha mẹ cho năm 1974 sử dụng làm đất ở, nhà tự xây dựng năm 1974.

+ Hộ khẩu số 1970, tổ 45, An Hải Bắc, Sơn Trà, 04 (bốn) khẩu, chuyển đến ngày 20/9/1997.

+ Đối chiếu 60/CP (2005): thửa 90, tờ 13 DT 1571,3m^2, đất ODT do ông Huỳnh Văn T kê khai.

+ Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất của hộ giải tỏa được UBND phường A xác nhận ngày 01/7/2016 nội dung: Đất do cha mẹ cho năm 1974, nhà tự xây dựng năm 1974, theo giấy xác nhận nguồn gốc đất ở, nhà ở được UBND phường xác nhận ngày 20/8/2003. Đơn xác nhận thuế nhà đất được chi cục thuế quận S xác nhận có tên trong bộ thuế thổ trạch năm 1976. Tờ khai gia đình lập năm 1974.

- Mức bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của UBND quận S.

+ Hồ sơ này đang tranh chấp dân sự, chờ có quyết định thi hành án mới được chi trả đền bù.

+ Cụ thể về đền bù:

Vị trí 2, đường loại 4, hệ số đường 1.1, hệ số khoảng cách 0.8

Bồi thường 100% giá trị đất ở cho diện tích 150m^2.

Bồi thường 100% giá đất trồng cây lâu năm vị trí 1 đồng bằng cộng thêm mức hỗ trợ 30% giá đất ở cho DT: 750,0m^2.

Bồi thường 100% giá đất trồng cây hàng năm khác (vị trí 1 đồng bằng) cho DT: 293,6m^2.

Bồi thường 100% giá trị nhà, vật kiến trúc, cây cối.

Tổng giá trị đền bù: 1.114.902.150đ, trong đó đề bù về đất: 809.102.000đ

Về tái định cư: Hội đồng Giải phóng mặt bằng quận S chưa họp xét phương án bố trí tái định cư chi tiết.

Hộ ông Trần S – bà Trần Thị H, hồ sơ số 01BS1, chủ sử dụng thửa đất số 248, tờ bản đồ số 19, diện tích sử dụng 145,2m^2, diện tích thu hồi 145,2m^2 với kết quả được giải quyết như sau:

- Giấy tờ và nguồn gốc sử dụng đất:

+ Đơn xin chuyển nhượng đất của ông Huỳnh Văn T cho ông Trần S và bà Trần Thị H, diện tích 150,0m^2, được UBND phường A xác nhận ngày 25/02/1997, nội dung: qua đơn xin chuyển nhượng đất ở của ông Huỳnh Văn T vợ Phan Thụy K ở tổ 45 An Cư, An Hải Bắc cho vợ chồng ông Trần S và bà Trần Thị H ở phường A với diện tích chuyển nhượng là 150m^2, mảnh đất do vợ chồng ông Huỳnh Văn T sử dụng lâu năm không tranh chấp. UBND phường kính chuyển các cấp có thẩm quyền quan tâm giải quyết.

+ Biên lai thuế đất năm 2011-2016.

+ Đối chiếu 60/CP (2005): thửa 90 tờ bản đồ 13 DT 1.571,3m^2, đất ODT do ông Huỳnh Văn T kê khai.

+ Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất của hộ giải tỏa được UBND phường A xác nhận ngày 01/7/2016 nội dung: đất do nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn T và bà Phan Thụy K theo đơn chuyển nhượng đất được UBND phường xác nhận ngày 25/02/1997, nhà tự xây dựng năm 1998.

+ Mức bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của UBND quận S.

Vị trí 2, đường loại 4, hệ số đường 1.1, hệ số khoảng cách 0.8

Bồi thường 50% giá trị đất ở cho diện tích 145,2 m^2

Bồi thường 100% giá trị nhà, vật kiến trúc, cây cối.

Tổng giá trị đền bù: 206.174.390đ, trong đó đền bù về đất 147.581.280đ

Về tái định cư: Hội đồng giải phóng mặt bằng chưa họp xét phương án bố trí tái định cư chi tiết.

* Việc tranh chấp chia tài sản chung giữa bà Huỳnh Thị H với ông Huỳnh Văn T là vụ án dân sự, Trung tâm phát triển quỹ đất TP. Đà Nẵng xin không cử người đại diện tham gia phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Sau khi có phán quyết của Tòa án về việc tranh chấp của các hộ trên, kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng cung cấp các Văn bản liên quan để Trung tâm phát triển quỹ đất có cơ sở đền bù cho các hộ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 25/4/2017, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ: - Luật đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Căn cứ pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án,

- Điều 106, 107, 236 Bộ luật dân sự;

- Điều 34, 147, 165, 166, 227, 229 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị H đối với ông Huỳnh Văn T về việc yêu cầu tòa án xác định toàn bộ ngôi nhà cấp 4, mái ngói, tường xây với diện tích 70m^2 tọa lạc trên diện tích đất 1.336m^2 tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 13 tại đường A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là thửa đất số 248 và 249, tờ bản đồ 19) là tài sản chung do cha mẹ là cụ ông Huỳnh Văn T, cụ bà Lê Thị G chết để lại và đề nghị chia thừa kế và tài sản chung cho các đồng thừa kế của Huỳnh Văn T bà G theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí định giá và công bố quyền kháng cáo.

Ngày 08/5/2017, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 08/5/2017, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị A và Huỳnh Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán và hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử hủy toàn bộ quyết định của án sơ thẩm, do có những vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà H đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm, theo hướng chia tài sản chung của cụ Thắng và cụ Giàu cho các đồng thừa kế.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông T đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Bà Huỳnh Thị H,Huỳnh Thị A,và bà Huỳnh Thị N vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Xét đơn kháng cáo của đương sự, đều đề nghị Tòa án công nhận tài sản là căn nhà cha mẹ để lại trên diện tích 1.338 m^2 đất tại thửa số 90 tờ bản đồ số 13, đường A, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng là tài sản chung của cha mẹ để lại, và được chia thừa kế theo pháp luật.

[**1**] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày và tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng cụ Huỳnh Văn T (chết năm 1985) và Lê Thị G (chết năm 1995) có 11 người con là Huỳnh Văn P (sinh năm 1935, chết năm vào khoảng 25 tuổi không có vợ con), bà Huỳnh Thị Hương, (ông Huỳnh Văn T1 chết năm 1962, ông T1 có vợ là bà Nguyễn Thị M

đã đi lấy chồng khác từ năm 1962, ông T1 và bà M có một con chung là Huỳnh Văn C), ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị N, các ông ông Huỳnh Văn Ngọ và Huỳnh Văn Lý, bà Huỳnh Thị Trọng chết khi còn nhỏ, bà Huỳnh Thị A, bà Huỳnh Thị V (chết năm 2012 có chồng là Lê Văn S và 06 người con là Lê Hoàng Anh Quý, Lê Hoàng Anh T, Lê Duy Nữ Diễm P, Lê Hoàng Phan Võ Phượng U, Lê Hoàng Phượng T, Lê Hoàng Phan Võ Phượng N) bà Huỳnh Thị Trung (chết khi còn nhỏ). Ngoài ra ông bà không có con riêng, hoặc con nuôi nào khác.

[**2**] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đều thừa nhận khi còn sống cụ Thắng và cụ Giàu có tạo lập được căn nhà và đất tọa lạc tại đường A, phường Hải Bắc, quận S Tp. Đà Nẵng thuộc thửa đất 90, tờ bản đồ số 13, diện tích đất 1.571,3 m^2, trên đất có một ngôi nhà cấp 4 mái lợp ngói có diện tích 70 m^2 mà các bên đang tranh chấp là của vợ chồng cụ Huỳnh Văn T (chết năm 1985) và cụ Lê Thị G (chết năm 1995). Khi chết cụ Thắng và cụ Giàu đều không để lại di chúc. Cũng theo hồ sơ kỹ thuật do Trung tâm đo đạc bản đồ Đà Nẵng lập ngày 27/3/2014 thì diện tích thửa đất nêu trên nay chỉ còn 1.336 m^2. Như vậy đã có đủ căn cứ để xác định được cụ Huỳnh Văn T và cụ Lê Thị G trước khi chết có để lại tài sản là nhà và đất và không để lại di chúc.

[2.1] Xét thấy khi Tòa án nhân dân Quận S thụ lý vụ án ngày 02/12/2014 thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực, do vậy thời hiệu để khởi kiện để yêu cầu chia di sản thừa kế là 10 năm, vì thế các đương sự chỉ yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất cha mẹ để lại. Tuy nhiên đến ngày 1/1/2017 Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực khi đó tòa cấp sơ thẩm đang thụ lý giải quyết vụ án và chưa ra quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không xem xét về thời hiệu khởi kiện về thừa kế là 30 năm theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự để hướng dẫn cho đương sự bổ sung yêu cầu khởi kiện, nhằm giải quyết triệt để vụ án là thiếu sót và chưa làm hết trách nhiệm. Tại phiên tòa sơ thẩm (BL407) bà H có thay đổi bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện v/v yêu cầu chia di sản thừa kế với phần di sản của cụ Giàu. Tuy nhiên việc bổ sung yêu cầu khởi kiện này tại phiên tòa sơ thẩm là không phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, vì yêu cầu này thực hiện sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do vậy cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Tuy nhiên các đương sự vẫn còn quyền khởi kện bằng một vụ án về yêu cầu chia di sản thừa kế vì thời hiệu khởi kiện đối với phần di sản của cụ Giàu vẫn còn.

[**3**] Xét nội dung kháng cáo v/v đề nghị không công nhận tài sản đang tranh chấp là của ông Huỳnh Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy: Án sơ thẩm nhận định và cho rằng "*phía nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp tài liệu nào để chứng minh ngôi nhà cấp 4,mái ngói diện tích 70 m^2 nằm trên thửa đất số 90, tờ bản đồ số 13, tại đường A, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng là di sản của cha mẹ để lại*". Với nhận định như vậy để bác yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu công nhận là di sản của cha mẹ để lại là thiếu căn cứ. Bởi lẽ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Văn T đều thừa nhận, nhà và đất nêu trên có nguồn gốc là của cha mẹ. Căn cứ khoản 2 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì phía nguyên đơn không có nghĩa vụ phải chứng minh nhà đất đó là của cha mẹ vì sự kiện này đã được phía bị đơn thừa nhận. Xét thấy trong

suốt quá trình giải quyết vụ án ông T cho rằng nhà đất nêu trên là của cha mẹ đã cho ông ,tuy nhiên ông cũng không có bằng chứng nào chứng minh có sự kiện pháp lý là tặng cho nhà, ông T cho rằng cha mẹ cho nhà đất có giấy tờ nhưng ông không cung cấp được chứng cứ là giấy tờ tặng cho, thế nhưng án sơ thẩm,căn cứ vào lời khai của ông T, cùng với việc xác minh ông T có thực hiện việc kê khai và đóng thuế cho nhà nước từ năm 1976, đồng thời án sơ thẩm căn cứ Điều 263 Bộ luật dân sự để cho rằng ông T là người chủ sở hữu tài sản của cha mẹ là thiếu căn cứ bởi vì: Các bên đương sự đều thừa nhận nhà đất đang tranh chấp là của cha mẹ quản lý sử dụng đến năm 1985 cụ Huỳnh Văn T chết, cụ Lê Thị G vẫn tiếp tục quản lý sử dụng nhà đất nêu trên cho đến năm 1995 thì cụ Giàu qua đời. Vì thế án sơ thẩm cho rằng ông Huỳnh Văn T "*là người chiếm hữu,người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình liên tục công khai trong thời hạn 30 năm đối với bất động sả*n *thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu*" là không phù hợp với thực tế trong vụ án này.

[**3.1**] Xét về căn cứ án sơ thẩm áp dụng Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ để cho rằng "*Luật đất đai của Nhà nước ta qua từng thời kỳ đều quy định Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng*". Với nhận định như vậy để bác yêu cầu của nguyên đơn, và công nhận tài sản là nhà và đất đang tranh chấp nêu trên là thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Huỳnh Văn T là không có căn cứ và không đúng với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải sửa án sơ thẩm về căn cứ áp dụng pháp luật,và nội dung phần quyết định, nhằm đảm bảo việc áp dụng đối với vụ án này được đúng đắn,và đảm bảo quyền khởi kiện về thừa kế sau này của các đương sự.

[3.2] *Như vậy*: Trong vụ án này các đương sự là nguyên đơn khởi kiện yêu chia tài sản chung là nhà, đất của cha mẹ để lại do hết thời hiệu khởi kiện về thừa kế, tuy nhiên trước khi khởi kiện bị đơn không đồng ý vì cho rằng đó là tài sản cha mẹ đã tặng cho khi còn sống. Vì thế việc khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định tại tiểu mục 2.4 Điều 2 mục I Nghị quyết số 02/2004/NQHĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán TAND tối Cao. Do vậy Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là phù hợp, nên hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hủy án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng. Mà xét thấy cần sửa án sơ thẩm về căn cứ áp dụng pháp luật, và một phần nội dung quyết định của án sơ thẩm nhằm đảm bảo quyền khởi kiện về chia di sản thừa kế sau này của các đương sự theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại Quyết định số 4149/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Ủy ban nhân dân Quận S v/v thu hồi để đầu tư xây dựng tuyến đường Vương Thừa Vũ. Theo nội dung quyết định này thể hiện thu hồi toàn bộ nhà đất đang tranh chấp nêu trên. Tuy nhiên việc thu hồi tài sản nêu trên cũng không ảnh hưởng gì đến quyền thừa kế về tài sản của các đương sự, đối với tài sản là của cha mẹ để lại khi bị Nhà nước thu hồi.

Án phí: Đơn kháng cáo của các đương sự là có căn cứ để chấp nhận một phần, do vậy người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị A, Huỳnh Thị N.

Sửa một phần về nội dung quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS–ST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân Thành Phố Đà Nẵng V/v tranh chấp chia tài sản chung: Giữa nguyên đơn là bà Huỳnh Thị H và bị đơn là ông Huỳnh Văn T:

Căn cứ: Luật đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2003; Điều 106, Điều 107, Bộ luật dân sự;

- Điều 34, Điều 147, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 229 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị H đối với ông Huỳnh Văn T về việc yêu cầu chia tài sản chung là toàn bộ ngôi nhà cấp 4, mái ngói, tường xây với diện tích 70m^2 tọa lạc trên diện tích đất 1.336m^2 tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 13 tại đường A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là thửa đất số 248 và 249, tờ bản đồ 19).

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bà Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị A và Huỳnh Thị N không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị A, Huỳnh Thị N mỗi người 300.000 đồng đã nộp tạm ứng trước đây theo các biên lai số 001065; 001067; 001066 ngày 15/5/2017 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TANDTC;*
- *VKSNDCC tại Đà Nẵng;*
- *TAND TP. Đà Nẵng;*
- *VKSND TP. Đà Nẵng;*
- *Cục thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Xuân Thành